

Trường Bưởi - Chu Văn An

Nguyễn Huy Hiền

Nằm về phía tây bắc kinh thành Thăng Long - Hà Nội, cạnh Hồ Tây, trong một vùng đất có những địa danh rất “ Hà Thành “ dễ thương quen thuộc như Vườn Bách Thảo, ngã tư Cổ Ngư, trên một khu đất rộng hơn ba chục ngàn thước vuông, tại địa chỉ số 10, đường Thụy Khuê là ngôi trường Bưởi - Chu Văn An được thành lập năm 1908 với tên nguyên thủy là Collège du Protectorat (Trường Trung Học Bảo Hộ). Học sinh gom từ ba trường có sẵn là Trường Thông Ngôn, Trường Trung Học Jules Ferry Nam Định và Lớp Sư Phạm. Nhưng đến năm 1922, Lớp Sư Phạm lại đem riêng ra để thành lập Trường Sư Phạm trên đường Cửa Bắc.



*Cổng trường trải qua 100 năm:
10 THUY KHUÊ, HÀ NỘI*

Danh hiệu trường do thời Pháp đô hộ đặt tên như có hai chữ “Bảo Hộ” nói trên, nghe ra không thể ưa thích, nên học sinh cũng như người dân đã gọi tên là Trường Bưởi, vì trường tọa lạc trên vùng Kê Bưởi.



Giáo Sư Hoàng Xuân Hãn

Năm 1945, Giáo Sư Hoàng Xuân Hãn, Bộ Trưởng Giáo Dục – Mỹ Thuật trong nội các Trần Trọng Kim ký nghị định xóa bỏ tên “Collège du Protectorat”, thay bằng tên mới là Trường Trung Học Chu Văn An.

Sinh cùng năm với trường Bưởi, Hoàng Xuân Hãn (hình trên) từng học trung học ở trường này, du học Pháp, ông tốt nghiệp kỹ sư, rồi thạc sĩ toán tại Đại Học Sorbonne, về nước năm 1936, ông dạy toán các lớp đệ nhất tại Trường Bưởi, soạn sách “Đánh Vân Chữ Quốc Ngữ”. Chỉ trong 3 tháng làm Bộ Trưởng, từ 20 tháng 4 đến 20 tháng 6 năm 1945, cùng với việc cho dựng bảng trường Chu Văn An, ông ban hành việc học và thi Tú Tài bằng tiếng Việt, dùng tiếng Việt trong trường học và công văn chính thức.

Chu Văn An là vị sư biểu được tôn kính trong lòng dân tộc. Tưởng cũng cần ghi thêm là Năm Canh Tuất 1070, Triều Lý cho xây dựng Khổng Miếu, gian chính giữa đặt tượng và bài vị Khổng Phu Tử là danh nho sư tổ của Đạo Nho. Năm Ất Mão 1075, Lý Thánh Tông cho mở mang các khoa thi và mở rộng Khổng Miếu thành Quốc Tử Giám tức là Viện Đại Học tiên khởi của Việt Nam. Đến đời Vua Trần Nghệ Tông, năm 1371 đưa thêm tượng và bài vị Chu Văn An vào nhà Quốc Học để tôn thờ ngang hàng với Khổng Phu Tử. Xem như thế, thật vô cùng danh giá thêm cho những ai được xuất thân từ mái trường mang tên Chu Văn An, vị sư biểu đã được tôn kính trong lòng dân tộc.



*Một trong ba dãy nhà hai tầng lâu xây trước 1908.
Các lớp học ở tầng dưới đất. Học sinh nội trú ở trên gác.
Tác giả bài viết đứng ở sân chơi trường khi về thăm trường cũ.
(Ghi chú của Ban Biên Tập)*

Trường ốc do mua lại cơ sở của một xí nghiệp làm giấy, và nhà máy in Schneider, chủ người Pháp, gồm những nhà một tầng, nhà lợp tôn sửa chữa thành các lớp học, phòng thí nghiệm, phòng y xá cấp phát thuốc bệnh bình thường cho học sinh nội trú. Thư viện và hai tòa nhà lớn hai tầng, về sau xây thêm một nhà hai tầng cùng hình dạng, mỗi tầng có hơn chục phòng rộng rãi; tầng dưới làm văn phòng và lớp học. Học sinh nội trú ở trên gác, ngay phía sau là nhà giặt, nhà tắm, nhà bếp, nhà ăn. Hiệu trưởng và gia đình cư ngụ ở một nhà lâu phía sau xây trên cái gò rộng, có tên là gò Phụng Chủy, cũng có những nhà nhỏ hơn làm chỗ ở cho gia đình Giám Học, Quản Lý khu học sinh nội trú. Trong sân trước có những cây đa cổ thụ trồng từ thời xa xưa rễ mọc chằng chịt của Chùa Bà Đanh còn để lại, và nhiều cây sấu trồng đã lâu cao lớn cành lá xanh tốt. Trường có sân thể dục và bãi đá bóng khu đất rộng nằm về phía đông.

Sơ khai, trường có hai cấp học trình, tiểu học và cao đẳng tiểu học. Sách vở ngôn ngữ giảng dạy là Pháp ngữ. Môn sinh ngữ Anh Văn có thầy người Anh phụ trách và thêm những môn học về Viễn Đông, Hán tự, quốc văn cho những lớp cao

đẳng. Theo thời gian lần hồi biến đổi, bớt phần này, nói rộng bậc kia. Năm 1926 mới mở lớp Tú tài (Bac Local). Năm 1930 được cải tổ thành Trường Trung Học (Lycée) có đầy đủ toàn chương trình Trung Học, song song như bên Trường Albert Saraut, một Lycée của Pháp mà học sinh Việt Nam con nhà giàu sang, quyền thế mới chen chân vào được.

Trong thời kỳ đệ nhị thế chiến, khi quân Nhật có mặt ở Đông Dương, trường đã phải tạm phân chia thành ba nhóm di chuyển vào Thanh Hóa, Phúc Nhạc Ninh Bình và Hà Đông để tránh những cuộc không tập của phi cơ đồng minh thả bom. Quân Nhật chiếm đóng làm doanh trại ngay trên cơ sở trường; rồi lại quân Tàu Tưởng thay thế một thời gian, sự phá phách và lấy đi mất hầu hết những sách giao khoa và học liệu. Mùa hè 1947, trường mới trở về và bắt đầu quy tụ học sinh học dang dở, và tuyển sinh mới từ các tỉnh, khai giảng trở lại. Nếu tính những mầm non lớp đệ thất, năm đầu tiên bậc trung học từ mùa hè năm 1947 đến tháng 7 năm 1954 là ngày Hiệp định Genève chia đôi đất nước, những trang thiếu niên này vừa hoàn tất xong bậc Tú Tài II toàn phần. Vị Hiệu Trưởng ngay lúc đó là Giáo Sư/Thầy Vũ Ngô Xán và hầu hết các giáo sư đang giảng dạy đều theo trường Chu Văn An di chuyển từ Hà Nội vào Sài Gòn. Niên học 1954 - 1955 nơi trường sở mới chân ướt, chân ráo nhưng đã được khai giảng kịp thời, không bị gián đoạn. Được biết kỳ thi trung học và Tú Tài hè 1955, sĩ số tốt nghiệp đỗ đạt vẫn khả quan.



*Trường Trung Học Chu Văn An tháng 7 năm 1954
khi mới di chuyển từ Hà Nội vào Sài Gòn.*

Hình ảnh ngôi trường trên đây nguyên là một phần thuộc Trường Pétrus Ký, trước đây là khu ký túc xá, bao gồm một dãy nhà hai tầng lầu, và một dãy nhà một tầng, lúc đó được dựng một hàng rào kẽm mắt cáo ngăn riêng giữa hai trường. Cổng trường Chu Văn An đi lối đường Trần Bình Trọng, còn trường Pétrus Ký đi phía đường Cộng Hòa. Thời gian những năm đầu các lớp Đệ Nhất A, B, C có đầu nhận các nữ sinh Tú Tài I học từ bên ngoài, hoặc phần nhiều từ trường Trưng Vương chuyển qua. Đến năm 1968, trường Chu Văn An di chuyển đến cơ sở mới xây cất rộng rãi, ngăn nắp và khang trang trên góc đường Minh Mạng và Triệu Đà, Chợ Lớn.

Một thế kỷ nhìn lại, tổng thể trên phương diện ý trí và nhân cách, lớp người trai xuất thân dưới mái trường này thật xứng danh giòng giới Lạc Việt, ngay khi còn mài đũa quần trên ghé nhà trường, những tầng lớp thiếu niên đó đã công khai tham gia vào công việc chống lại cường quyền, đòi ân xá Chí Sĩ Phan Bội Châu, cũng như tham dự lễ truy điệu cụ Phan Chu Trinh. Thể hiện tinh thần hợp đoàn để dạy cho đám học trò con Tây trường Albert Sarraut, một bài học đích đáng, bằng cách thực hiện cuộc bãi khóa không vào lớp để phản đối Hiệu Trưởng người Pháp đối xử hà khắc, bất công với học sinh người Việt. Hoặc biểu tình phản đối và đạt được kết quả, trong việc yêu cầu trả tự do cho Giáo Sư Hiệu Trưởng CVA Nguyễn Gia Tường, mà công an Việt Minh với âm mưu sát hại hàng loạt những nhà trí thức, chỉ vì giới trí thức thông thuộc sâu xa về hiểm họa cộng sản! Thế rồi cũng như đã sớm hiểu biết ở đâu có cộng sản là không có gì tốt đẹp, ngay năm đầu vừa từ Hà Nội di chuyển vào Sài Gòn, học sinh CVA đã kết hợp những anh em học sinh di cư trại Gia Long - Phú Thọ, trong cuộc xuống đường tháng 5 năm 1955, tiến vào khách sạn Majestic ở góc đường Tự Do và Bạch Đằng đòi bắt giữ những thành viên CSVN trong phái bộ Ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến, tướng cộng sản Văn Tiến Dũng trong phái bộ phải bỏ trốn khỏi Sài Gòn. Dưới mái trường CVA thật sự đã hun đúc, rèn luyện sản sinh nên một hàng ngũ nhân sự trù phú, đóng góp tinh hoa kiến tạo hưng thịnh, tự do của đất nước trên đường lịch sử thăng trầm. Không thể kể hết danh vị

những cá nhân xuất thân từ Bưởi - Chu Văn An, cái nôi trau dồi văn hóa để chuyên trở, dàn trải nhân sự vào giải giang sơn trên đủ các lãnh vực chuyên viên khoa học kỹ thuật, luật pháp, y khoa, giáo dục, hành chính. Ngay cả mặt quân sự cũng có hàng hàng, lớp lớp người trai xếp bút nghiên, đóng góp xương máu trong cuộc chiến tranh ý thức hệ, bảo vệ đồng bào và chính nghĩa tự do. Nói tóm lại là một trường trung học lâu đời nhất của Việt Nam, như trung tâm quốc gia giáo dục sinh tồn với thời gian dài một trăm năm, nên đã quy tụ được rất nhiều giáo sư trí thức uyên bác, mang nặng tâm huyết và hoài bão xây đắp tương lai xứ sở, bởi vậy nên đã gây dựng được một lớp nhân sự tuổi trẻ đầy đủ trí năng, nhân cách, không hề làm hoen ố danh xưng Bưởi - Chu Văn An. Dù bất cứ thời gian hay không gian nào, những hình ảnh của các giáo sư đáng kính vẫn lưu truyền nhắc nhở đến tên tuổi.

Trước hết về những vị Hiệu Trưởng đã nối tiếp theo thời gian, từ thời thuộc địa Pháp là các Giáo Sư:

Paul Mus (1908),
Dounadiou (1915),
Lihonet (1920),
Lomberger Bovet(1825),
Houlié (1931),
Léon Autigeon (1937),
Perruca (?)
Paech (?)

Đến năm 1945 vai trò hiệu trưởng được chuyển qua người Việt Nam là những giáo sư:

Hoàng Cơ Nghị, Nguyễn Gia Tường,
Dương Quảng Hàm, Trần Văn Khang,
Mai Phương, Đỗ Văn Hoán,
Phạm Xuân Độ, Vũ Ngô Xán (1951),
Trần Văn Việt (1957), Nguyễn Hữu Văn (1963)
Đàm Xuân Thiều (1963), Bùi Đình Tấn (1964),
Dương Minh Kính (1965),
Nguyễn Xuân Quế (1968-1975)

Kế tiếp là các Giáo Sư giảng dạy:

Dufresme (Cụ Phèn), Patris,
Foulon, De Rozario,
Nguyễn Việt An, Trần Đức An,
Vũ Văn Anh, Vũ Ngọc Ánh,
Lê Thái Ất, Vũ Bảo Âu,
Nguyễn Gia Bảo, Đặng Vũ Biên,
Vũ Tô Bình, Hà Tường Cát,
Thẩm Nghĩa Căn, Cao Quang Cận,
Ngô Duy Cầu, Nguyễn Ngọc Cầu,
Hà Xuân Châu, Vũ Hoàng Chương,
Vũ Lai Chương, Vũ Văn Chuyên,
Nguyễn Chuyết, Nguyễn Ngọc Cư,
Nguyễn Văn Kỷ Cương, Huỳnh Kim Cương,
Đặng Đức Cường, Lương Trác Cường,
Nguyễn Văn Dậu, Nguyễn Ngọc Diễm,
Nguyễn Thị Dung, Nguyễn Văn Dũng,
Đào Xuân Dương, Thái Thị Ngọc Duyên,
Đặng Ngọc Dư, Vũ Ngọc Đạm,
Nguyễn Đăng Đại, Đào Mạnh Đạt,
Đình Mạnh Để, Lê Đình Điều,
Đặng Văn Định, Nguyễn Văn Đình,
Bùi Đông, Tô Đông, Nguyễn Thị Đức,
Nguyễn Huy Đương, Trần Thanh Giản,
Nguyễn Đình Hách, Trần Xuân Hải,
Đình Văn Hải, Trần Mộng Hải,
Nguyễn Hanh, Nguyễn Văn Hàm,
Nguyễn Lệ Hằng, Bùi Duy Hiền,
Nguyễn Thế Hiền, Trần Thế Hiền,
Nguyễn Đức Hiếu, Đỗ Khánh Hoan,
Phan Minh Hoàng, Võ Kim Huệ,
Hoàng Minh Hùng, Nguyễn Hữu Hưng,
Phạm Thế Hùng, Bùi Quang Huy,
Đặng Thị Chiêu Huyền, Lê Ngọc Huynh,
Nguyễn Hữu Kế, Trần Duy Khang,
Phạm Văn Khánh, Nguyễn Khắc Kham,
Luu Trung Khảo, Lê Văn Khiết,

Linh Mục Trần Thanh Khiết, Vũ Khắc Khoan,
Phan Ngọc Khuê, Bùi Khương,
Nguyễn Xuân Kỳ, Nguyễn Sa Trần Bích Lan,
Nguyễn Thị Ngọc Lan, Vũ Ngọc Lan,
Lê Mộng Lân, Nguyễn Hữu Lãng,
Trần Quang Lãng, Lê Văn Lâm,
Luu Ngọc Linh, Nguyễn Văn Lộc,
Nguyễn Khánh Long, Nguyễn Văn Long,
Linh Mục Trần Phúc Long, Phạm Tiến Lợi,
Trần Đức Lợi, Nguyễn Văn Luận,
Phạm Xuân Lương, Trần Trung Lương,
Phan Văn Lượng, Hồ Đình Mai,
Trần Văn Mai, Nguyễn Hữu Mai,
Đình Đức Mậu, Linh Mục Trần Văn Hiến Minh,
Trần Đình Minh, Nguyễn Can Mộng,
Nguyễn Văn Mùi, Phạm Huy Ngà,
Bạch Văn Ngà, Nguyễn Ngạc,
Nguyễn Xuân Nghiên, Đặng Văn Nhân,
Nguyễn Đình Nhân, Nguyễn Văn Nhi,
Lê Trung Nhiên, Nguyễn Bích Như,
Chu Đức Nhuận, Nguyễn Văn Ngọc,
Lê Văn Ngu, Trương Đình Ngự,
Nguyễn Văn Nguyên, Vũ Tiên Phái,
Đoàn Văn Phi, Nguyễn Văn Phong,
Trần Quang Phong, Nguyễn Văn Phú,
Nguyễn Phúc, Lê Hữu Phụng,
Thiên Phụng, Võ Văn Phước,
Nguyễn Đức Quang, Nguyễn Văn Quang,
Trần Thanh Quang, Chung Quân,
Nguyễn Xuân Quế, Nguyễn Ngọc Quỳnh,
Nguyễn Văn Sâm, Chu Phạm Ngọc Sơn,
Đỗ Anh Tài, Cung Nhật Tân,
Lê Thanh Tân, Bùi Đình Tấn,
Bùi Thế Tập, Nguyễn Sĩ Tế,
Cung Đình Thanh, Hoàng Đình Thanh,
Trần Đình Thám, Nguyễn Thăng,
Đỗ Thận, Đặng Ngọc Thiềm,

Nguyễn Dương Thoại, Lê Mậu Thống,
Lê Văn Thu, Trần Thị Lệ Thu,
Cao Đức Thư, Nguyễn Thư,
Phạm Biên Thước, Nguyễn Đăng Thường,
Vũ Văn Tiên, Nguyễn Văn Tiến,
Phan Văn Tính, Phan Huy Tùng,
Vũ Đình Triều, Trần Quốc Thước,
Nguyễn Chung Tú, Thái Văn Tùng,
Trần Văn Từ, Lê Thị Trà,
Vũ Hoài Trân, Lương Duyên Trinh,
Bùi Thái Trừu, Nguyễn Trọng Văn,
Nguyễn Văn Viện, Lê Thành Việt,
Đình Thế Vinh, Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh,
Trần Xuân Vụ, L.M. Trần Thúc Vy,
Trần Đình Ý.

Phần sau hết để ghi thêm đặc điểm sắc diện nhân bản chính thống Trường Bưởi - Chu Văn An, ngoài ba mươi năm nay, nhất là thời gian gần đây những huynh đệ đồng môn định cư nơi góc bể, chân trời Úc, Âu, hay Mỹ, cứ một vài năm lại có một lần hội ngộ đông đảo lên tới con số bảy, tám trăm người. Kết quả được như thế do tinh thần “On Thầy Nhớ Bạn” trung tín và vô vị lợi của những “con chim canh giữ tổ ấm”, sẵn sàng hy sinh thì giờ, hay cả vật chất, nên tổ chức ra những Hội Ái Hữu tại Úc Châu; Âu Châu, Pháp; Canada, Montreal; Washington D.C., Bắc California, San Jose.

Riêng tại Nam California, Little Sài Gòn, thủ đô của người Việt tị nạn cộng sản tại Hoa Kỳ, Hội Ái Hữu Cựu Học Sinh Bưởi - Chu Văn An khởi đầu do Hội Trưởng: Du Tử Lê (1980); kết tiếp là Bùi Bình Bân (1986), Trần Quang Đôn (1987), Nguyễn Đức Khoát (1989), Hoàng Văn Kim (1994), Phạm Đình Tuân (1998), Vũ Xuân Hoài (2000). Thế rồi, kể từ tháng 7 năm 2002, để mọi sinh hoạt giữ đúng “sắc màu chính thống dân tộc”, do đó Đại Hội Đồng Hội Viên đã quyết định tổ chức bầu cử cơ sở điều hành, gồm có ba (3) thành phần là Ban Chấp Hành, Hội Đồng Quản Trị và Tổng Kiểm Soát.

Nhiệm kỳ 2000 – 2002: (1) Hội Trưởng/Thành Lập Ban Chấp Hành: Vũ Xuân Hoài; (2) Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị: Phạm Đình Tuân, sau đó Nguyễn Văn Thu XLTV Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị; và các Quản Trị Viên: Phạm Quang Thùy, Nguyễn Văn Thu, Nguyễn Kim Qui, Vũ Trọng Đăng, Phạm Trọng Phúc; (3) Tổng Kiểm Soát: Đặng Bá Huy.

Nhiệm kỳ 2002-2005-2007: (1) Hội Trưởng/Thành Lập Ban Chấp Hành: Nguyễn Đức Năng; (2) Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị: Lê Quý An (2002) Đỗ Trọng Đức (2004); và các Quản Trị Viên: Vũ Ngọc Đĩnh, Nguyễn Văn Thu, Trần Thế Ngữ, Phạm Đình Tuân, Lê Quý An, Lê Văn Tiến, Nguyễn Đức Khoát, Phan Tấn Phú; (3) Tổng Kiểm Soát: Nguyễn Huy Hiền.

Nhiệm kỳ đương kim 2007-2009: Hội Trưởng/Thành Lập Ban Chấp Hành: Nguyễn Mạnh Hiền-B, (2) Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị: Nguyễn Ngọc Liên, và 7 Quản Trị Viên: Trần Quang Dự, Nguyễn Đức Nhuận, Vũ Văn Tùng, Phạm Quang Thùy, Lê Chính Long, Lê Quý An và Nguyễn Văn Thu; (3) Tổng Kiểm Soát: Nguyễn Huy Hiền.

Nguyễn Huy Hiền

Tháng 01-2009



*Nguyễn Huy Hiền, Sài Gòn, Việt Nam (1964)
Khóa 10 Liên Trường Võ Khoa Thủ Đức, Việt Nam
(Ghi chú của Ban Biên Tập)*